

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2025/DS-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cửu Long;

2. Bà Võ Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1118/2024/TLST- DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 621/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 1566/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1

Địa chỉ trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Phú H – Địa chỉ liên lạc: Số B đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (*có đề nghị vắng mặt*)

- Bị đơn: Bà Ung Thị T - Sinh năm 1980 (*vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: A.17.04 Block A chung cư B T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: D20/532P ấp D, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty TNHH MTV Tin Báo Nhân dân Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn P (*có đề nghị vắng mặt*)

Địa chỉ: A, C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ gửi thư: Ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 trình bày ngày 14/3/2022, bà Ung Thị T đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 – chi nhánh Q – PGD Nguyễn Duy T1 (từ đây gọi là “Ngân hàng”) Hợp đồng tín dụng số 202226564778 có nội dung vay số tiền 5.000.000.000đồng, thời gian vay từ ngày 14/3/2022 đến ngày 14/3/2052, mục đích vay vốn là nhận chuyển nhượng bất động sản. Ngày 30/5/2022, bà T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 – chi nhánh Q – PGD Nguyễn Duy T1 đề nghị cấp thẻ tín dụng với hạn mức thẻ 500.000.000đồng. Tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà T, bà T ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản tại Phòng C Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 22 xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh diện tích 3.519,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AH945296 số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00014/11 do UBND huyện C cấp ngày 02/4/2007 cập nhật biến động ngày 11/3/2022. Quá trình vay, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng đã ký, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở đồng thời cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T trả nợ nhưng bà T không trả. Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là nơi thực hiện hợp đồng với yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2024 là 5.441.040.048đồng trong đó hợp đồng tín dụng số 202226564778 có nợ gốc là 4.708.331.000đồng, lãi trong hạn là 146.180.670đồng, lãi quá hạn là 905.830đồng, lãi phạt là 1.738.302đồng; thẻ tín dụng được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mang tên Ung Thị T vốn gốc 550.890.326đồng, lãi quá hạn 32.993.920đồng. Buộc bà T chịu các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 28/3/2024 đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà T không trả được nợ, đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Ung Thị T vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P trình bày ông P không biết chủ của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 22 xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, ông P trồng cỏ và đặt hệ thống dây ống để tưới cỏ tại thửa đất là do được sự đồng ý của người tên T2 ở chung ấp (không rõ họ tên, địa chỉ); ông P đã tháo gỡ hệ thống dây ống tưới cỏ, đề nghị xác định ông P không liên quan đến vụ án và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đề nghị vắng mặt nhưng có Bản tự khai đề ngày 31/3/2025 yêu cầu bà Ung Thị T phải trả nợ số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 6.252.890.597đồng trong đó hợp đồng tín dụng số 202226564778 có nợ gốc là 4.708.331.000đồng, lãi trong hạn là 698.241.535đồng, lãi quá hạn là 22.908.288đồng, lãi phạt là 43.158.487đồng; thẻ tín dụng được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mang tên Ung Thị T vốn gốc 550.890.326đồng, lãi quá hạn 229.360.960đồng. Buộc bà T chịu các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2025 đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà T không trả được nợ, đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm là bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 10 tờ bản đồ số 22 xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà T để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Bà T vắng mặt và ông P có đề nghị vắng mặt. Đại diện Viện

kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về phạm vi khởi kiện: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 khởi kiện bà Ung Thị T, bà Ung Thị T không có yêu cầu phản tố, ông Phạm Văn P không có yêu cầu độc lập. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng – là tổ chức tín dụng - khởi kiện bà T do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại “Hợp đồng tín dụng” số 202226564778 ngày 14/3/2022 và “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” ngày 30/5/2022 ký kết giữa bà T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 – chi nhánh Q. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là vụ án “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng và ông P có đề nghị vắng mặt; bà T đã được Tòa án tổng đạt tham gia phiên tòa hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc của “Hợp đồng tín dụng” số 202226564778 ngày 14/3/2022 và “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” ngày 30/5/2022 do vi phạm thỏa thuận tính đến ngày 31/3/2025 lần lượt là 4.708.331.000đồng và 550.890.326đồng. Ngân hàng khởi kiện bà T, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến Tòa để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án nhưng bà T không đến. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ do Ngân hàng giao nộp, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay, chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng.

[2.2] Tại Hợp đồng tín dụng số 202226564778 ngày 14/3/2022, bà T và Ngân hàng thỏa thuận “*Lãi suất 12 tháng đầu tiên là 11%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất được điều chỉnh bằng LSCS tương ứng theo kỳ hạn vay được S2 niêm yết tại www.S2.com.vn điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm và được S2 quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần*”. Tại Các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm hợp đồng tín dụng, bà T đồng ý “*Trường hợp chậm trả nợ gốc, Bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần*

nợ gốc quá hạn mà Bên được cấp tín dụng không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định trong Hợp đồng này/Giấy nhận nợ tương ứng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp chậm trả lãi, Bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả". Căn cứ thỏa thuận của các bên với Sao kê dư nợ quá hạn khách hàng do Ngân hàng giao nộp và Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà T phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 31/3/2025 số tiền lãi trong hạn là 698.241.535đồng, tiền lãi quá hạn là 22.908.288đồng, lãi chậm trả là 43.158.487đồng và tiếp tục trả các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

[2.3] Tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng" ngày 30/5/2022, bà T cam kết "*...đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều Khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S2*", tại Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 quy định "*Lãi suất: là lãi suất cho vay mà S2 áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng thông qua hình thức phát hành Thẻ, bao gồm Lãi suất trong hạn và Lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo Biểu phí lãi suất do S2 công bố trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% Lãi suất trong hạn*". Căn cứ thỏa thuận của các bên với Bảng kê tính lãi do Ngân hàng giao nộp và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi tính đến ngày 31/3/2025 là 229.360.960đồng.

Từ [2.1] đến [2.3], tính đến ngày 31/3/2025, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng là 6.252.890.597đồng.

[2.4] Tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 40/HĐTC-BDS/PGDNDT ngày 14/3/2022, bà T và Ngân hàng thỏa thuận thừa đất số 10 tờ bản đồ số 22 xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 3519,2m² là tài sản đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ của bà T tại Hợp đồng tín dụng số 202226564778 ngày 14/3/2022 và tất cả các sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và các cam kết của bà T được cấp tín dụng với Ngân hàng dưới hình thức cấp tín dụng theo quy định pháp luật và các cam kết khác của bà T với Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là phù hợp Điều 299 của Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp bà T hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ, Ngân hàng có trách nhiệm giao trả lại bà T các tài liệu liên quan đến tài sản bảo đảm mà Ngân hàng đang lưu giữ theo điểm b khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp là bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AH945296 số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00014/11 do UBND huyện C cấp ngày 02/4/2007 cập nhật biến động ngày 11/3/2022 và Thông báo nộp tiền về lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 09/3/2022.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên bà T phải trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000đồng.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự: 112.000.000đồng + (2.252.890.597đồng x 0,1%) = 114.252.891đồng; Ngân hàng không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định trên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40, Điều 92 và Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 299, Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 4, Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2022;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1:

- Buộc bà Ung Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền nợ gốc của “Hợp đồng tín dụng” số 202226564778 ngày 14/3/2022 là 4.708.331.000đ (Bốn tỷ, bảy trăm lẻ tám triệu, ba trăm ba mươi một ngàn đồng), tính đến ngày 31/3/2025 tiền lãi trong hạn là 698.241.535đ (S trăm chín mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi một ngàn, năm trăm ba mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn là 22.908.288đ (Hai mươi hai triệu, chín trăm lẻ tám ngàn, hai trăm tám mươi tám đồng), lãi chậm trả là 43.158.487đ (Bốn mươi ba triệu, một trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm tám mươi bảy đồng);

- Buộc bà Ung Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền nợ gốc của “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 30/5/2022 là 550.890.326đ (Năm trăm năm mươi triệu, tám trăm chín mươi ngàn, ba trăm hai mươi sáu đồng), tiền lãi tính đến ngày 31/3/2025 là 229.360.960đ (Hai trăm hai mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi ngàn, chín trăm sáu mươi đồng);

- Bà Ung Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/4/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại “Hợp đồng tín dụng” số 202226564778 ngày 14/3/2022, “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 30/5/2022 và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật;

- Trường hợp bà Ung Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là thửa đất số 10 tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 3519,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AH945296 số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00014/11 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/4/2007 cập nhật biến động ngày 11/3/2022 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 40/HĐTC-BDS/PGDNDT ngày 14/3/2022;

Ngay sau khi nghĩa vụ trả nợ của bà Ung Thị T hoàn thành, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 có trách nhiệm giao trả cho bà Ung Thị T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AH945296 số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00014/11 do UBND huyện C cấp ngày 02/4/2007 cập nhật biến động ngày 11/3/2022 và Thông báo nộp tiền về lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 09/3/2022.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc thanh toán do bà Ung Thị T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 tự thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Ung Thị T phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ung Thị T phải chịu án phí là 114.252.891đ (Một trăm mười bốn triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn, tám trăm chín mươi một đồng). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.720.520 (Năm mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn, năm trăm hai mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027050 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, bà Ung Thị T, ông Phạm Văn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Lưu Hải Quỳnh Anh